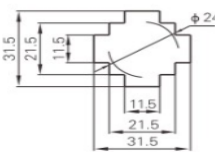
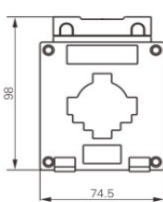
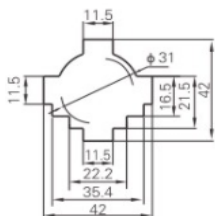
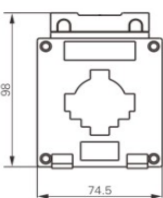
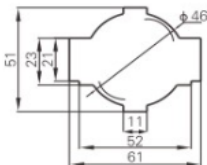
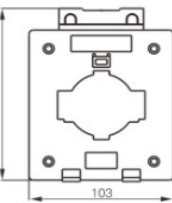
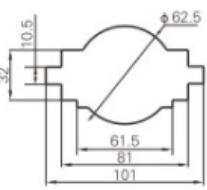
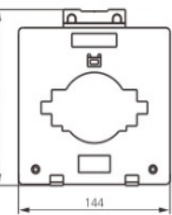
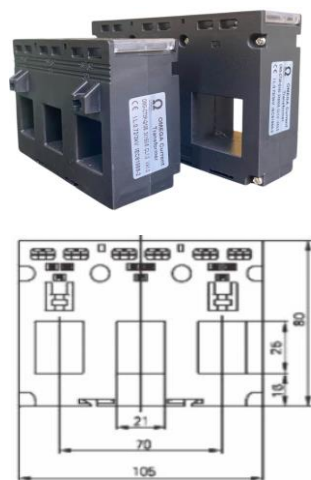
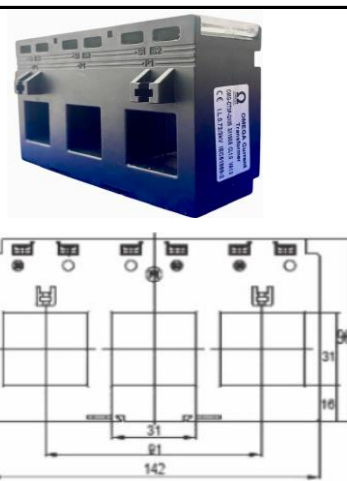


Photo Hình ảnh	Cat. No. Mã số	Description Mô tả	Price Giá (VNĐ)
VOLT & AMPERE SELECTOR SWITCH, 48 x 60 CHUYỂN MẠCH VOLT & AMPERE, MẶT 48 x 60			
	OMG-VS48	Chuyển mạch Volt - Mặt 48 x 60 7 vị trí (OFF, RN-YN-BN, RY-YB-BR)	145,000
	OMG-AS48	Chuyển mạch Ampere - Mặt 48 x 60 4 vị trí (OFF-R-Y-B)	145,000
ANALOG PANEL METER - DIAL 96 x 96 ĐỒNG HỒ TỦ ĐIỆN - MẶT 96 x 96			
	OMG-VM96	AC. Voltmeter 0-500V, 96 x96, Class 1.5	160,000
		AC. Ammeter , CT .../5A, 96 x 96, Class 1.5, <u>Dãy Ampe</u> : 50A, 100A, 150A, 200A, 250A, 300A, 400A, 500A, 600A, 800A, 1000A, 1200A, 1600A, 2000A, 2500A, 3000A, 4000A, 5000A, 6000A .	160,000
	OMG-HZ96	ĐỒNG HỒ TẦN SỐ Hz, 96 x 96, Nguồn cung cấp 230VAC/50Hz, L-N, Loại chỉ thị kim, hiển thị : 45-65Hz; Class 1.5	250,000
	OMG-PF96	ĐỒNG HỒ HỆ SỐ CÔNG SUẤT, 96 x 96 Nguồn cung cấp 230VAC/50Hz, L-N, CT.../5A hiển thị 0,5 Cap. - 1 - 0,5 Ind, Class 1.5.	490,000
	OMG-PW96	ĐỒNG HỒ CÔNG SUẤT KW, CT .../5A , 96 x 96 Loại chỉ thị kim, , 3 pha, 3 dây, Unbalance , 380VAC, 50Hz, Class 1.5 . <u>Dãy Công suất và tỉ số CT</u> : 6-0-60kW - 100/5A ; 10-0-100kW - 150/5A; 12-0-120kW - 200/5A ; 16-0-160kW - 250/5A; 20-0-200kW-300/5A; 25-0-250kW - 400/5A; 30-0-300kW - 500/5A; 40-0-400kW - 600/5A; 50-0-500kW - 800/5A; 60-0-600kW - 1000/5A; 80-0-800kW - 1200/5A; 1000kW - 1600/5A;	950,000
	OMG-22KV96	AC. Voltmeter 0-22KV (26.4KV), PT 22KV/110V ; 96 x96, Class 1.5	190,000
ANALOG PANEL METER - DIAL 72 x 72 ĐỒNG HỒ TỦ ĐIỆN - MẶT 72 x 72			
	OMG-VM72	AC. Voltmeter 0-500V, 72 x 72, Class 1.5	160,000
	OMG-AM72	AC. Ammeter CT .../5A, 72 x 72, Class 1.5, <u>Dãy Ampe</u> : 50A, 100A, 150A, 200A, 250A, 300A, 400A, 500A, 600A, 800A, 1000A, 1200A, 1600A, 2000A, 2500A	160,000
	OMG-AM72 10A, 20A, 30A	AC. Ammeter - Trực tiếp , 72 x 72, Class 1.5 10A, 20A, 30A	160,000

Photo Hình ảnh	Cat.No Mã số	Dimension Kích thước (mm)			Description Mô tả	Price Giá (VNĐ)
		ID	OD	T		
METERING CURENT TRANSFORMER (MCT) - 1PHASE - BOX TYPE BIẾN DÒNG ĐO LƯỜNG - 1 PHA - LOẠI HỘP ĐÚC						
	OMG-CT1P-Q30			43/71	MCT 50/5A; CL 1; 2.5VA (2T)	130,000
					MCT 75/5A; CL. 1; 1.5VA	130,000
					MCT 100/5A; CL 0.5; 2.5VA	130,000
					MCT 150/5A; CL 0.5; 3.75VA	130,000
					MCT 200/5A; CL 0.5; 5VA	130,000
	OMG-CT1P-Q40			43/71	MCT 250/5A; CL.0.5; 5VA	155,000
					MCT 300/5A; CL 0.5; 5VA	155,000
					MCT 400/5A; CL.0.5; 5VA	155,000
					MCT 500/5A; CL 0.5; 7.5VA	160,000
					MCT 600/5A; CL 0.5; 7.5VA	160,000
	OMG-CT1P-Q60			45/73	MCT 800/5A; CL 0.5; 10VA	260,000
					MCT 1000/5A; CL 0.5; 15VA	280,000
					MCT 1200/5A; CL 0.5; 15VA	300,000
	OMG-CT1P-Q100			44/72	MCT 1200/5A; CL 0.5; 15VA	390,000
					MCT 1600/5A; CL 0.5; 15VA	450,000
					MCT 2000/5A; CL 0.5; 15VA	500,000
					MCT 2500/5A; CL 0.5; 15VA	550,000
					MCT 3000/5A; CL 0.5; 15VA	650,000

* Bảng Giá này chưa bao gồm 10% thuế GTGT.

* "2T": Vui lòng xem phần "Application Note" trong Catalog 03/2025 để có thêm thông tin.

Photo Hình ảnh	Cat.No Mã số	Dimension Kích thước (mm)			Description Mô tả	Price Giá (VNĐ)
		ID	OD	T		
METERING CURENT TRANSFORMER (MCT) - 3 PHASE - BOX TYPE BIẾN DÒNG ĐO LƯỜNG - 3 PHA - LOẠI HỘP ĐÚC						
	OMG-CT3P-105	25 x 21 3 lỗ	105 x 80	52	MCT 50/5A; CL. 3; 1VA	530,000
					MCT 75/5A; CL.3; 1VA	530,000
					MCT 100/5A; CL. 1; 1VA	540,000
					MCT 150/5A; CL. 1; 1VA	540,000
					MCT 200/5A; CL. 1; 1VA	540,000
					MCT 250/5A; CL. 1; 1.5VA	540,000
	OMG-CT3P-140	31 x 31 3 lỗ	142 x 96	55	MCT 300/5A; CL. 1; 2,5VA	680,000
					MCT 400/5A; CL. 1; 2,5VA	680,000
					MCT 500/5A; CL. 1; 2,5VA	690,000
					MCT 600/5A; CL. 1; 2,5VA	690,000

+ Bảng Giá này chưa bao gồm 10% thuế GTGT.